

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *107* /2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2009

BỘ CÔNG THƯƠNG

ĐẾN

Số:.....

Ngày:.....

Chuyên:.....

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Tổng cục Đường bộ Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quản lý nhà nước chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Dự án luật, pháp lệnh, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải đường bộ;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm, chương trình, dự án quốc gia, đề án phát triển giao thông vận tải đường bộ trong phạm vi cả nước.

2. Xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố; tổ chức xây dựng, thẩm định và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành giao thông vận tải đường bộ.

3. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, chương trình quốc gia, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về giao thông vận tải đường bộ sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông vận tải đường bộ.

5. Về quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các quy định về quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống quốc lộ; quy định việc đầu nối vào đường bộ; quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và công bố về tải trọng, khổ giới hạn của quốc lộ; quy định về báo hiệu đường bộ; quy định tốc độ xe và việc đặt biển báo tốc độ, tổ chức và hoạt động của trạm kiểm tra tải trọng xe; quy định việc cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;

c) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đề trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế tạo nguồn vốn cho xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện;

d) Tổ chức giao thông trên hệ thống quốc lộ, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt; tổ chức quản lý, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

đ) Hướng dẫn công tác quản lý, khai thác và bảo trì đường địa phương; tổng hợp tình hình phát triển hệ thống đường địa phương trong phạm vi cả nước;

e) Xây dựng đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong quản lý, bảo trì quốc lộ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng mức phí, lệ phí đường bộ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức hoạt động thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

h) Phối hợp với cơ quan có liên quan và chính quyền địa phương bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

6. Về quản lý đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền và hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình đường bộ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT và các hình thức hợp đồng khác được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phân cấp hoặc ủy quyền.

7. Về quản lý phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (trừ phương tiện và người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh):

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc đào tạo, sát hạch, cấp, đổi và thu hồi giấy phép lái xe cho người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; quy định việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông và hướng dẫn tổ chức thực hiện;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn Trung tâm sát hạch lái xe; việc cấp giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

c) In, phát hành, hướng dẫn và quản lý việc sử dụng giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong phạm vi cả nước;

d) Quản lý việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

đ) Tổ chức thực hiện đăng ký xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ;

e) Phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của phương tiện, thiết bị giao thông vận tải đường bộ.

8. Về quản lý vận tải đường bộ:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa bằng xe ô tô và các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ: quy định về quy chuẩn kỹ thuật bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí, trạm kiểm tra tải trọng xe;

b) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chương trình kế hoạch hợp tác quốc tế về vận tải đường bộ; xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đề trình cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn đề xuất việc ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế về đường bộ; tham gia đàm phán điều ước quốc tế theo uỷ quyền, phân cấp và tổ chức đàm phán, ký kết thoả thuận, chương trình hợp tác quốc tế theo quy định; tổ chức việc cấp phép vận tải đường bộ quốc tế theo các điều ước, thoả thuận quốc tế về vận tải đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Quản lý hoạt động vận tải đường bộ và dịch vụ hỗ trợ vận tải bằng xe ô tô theo quy định của pháp luật; quản lý các tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

d) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ; hướng dẫn tổ chức phát triển kinh tế tập thể trong vận tải đường bộ;

đ) Phối hợp xây dựng khung giá cước vận tải, xếp dỡ, các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ được hoạt động độc quyền và những dịch vụ Nhà nước trợ giá hoặc giao doanh nghiệp thực hiện.

9. Về an toàn giao thông đường bộ:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đề án, giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức tuyên truyền an toàn giao thông và các giải pháp giảm thiểu tai nạn giao thông đường bộ;

c) Tổ chức thực hiện công tác phòng, chống, bảo, lũ và phối hợp tìm kiếm cứu nạn trong giao thông đường bộ theo phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

d) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thẩm định an toàn giao thông trong xây dựng và quản lý đường bộ; thực hiện và phối hợp thực hiện các dự án về an toàn giao thông đường bộ;

đ) Phối hợp với cơ quan công an trong việc cung cấp số liệu đăng ký phương tiện giao thông đường bộ, dữ liệu về tai nạn giao thông và cấp, đổi, thu hồi giấy phép lái xe.

10. Về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải đường bộ:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Tổ chức lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường trong xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế giao thông vận tải đường bộ theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

12. Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải đường bộ; xây dựng và duy trì cổng thông tin điện tử chuyên ngành và ngân hàng dữ liệu đường bộ để phục vụ công tác quản lý giao thông vận tải đường bộ.

13. Thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo phân cấp hoặc ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

14. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thanh tra, kiểm tra, xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về giao thông vận tải đường bộ theo thẩm quyền.

15. Quản lý tổ chức bộ máy cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và sử dụng biên chế được duyệt theo quy định; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; quản lý các đơn vị trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao, tổ chức thực hiện quản lý ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

17. Thực hiện đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm và dịch vụ công ích trong lĩnh vực đường bộ theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Các tổ chức giúp việc Tổng cục trưởng:

a) Vụ Kế hoạch - Đầu tư;

b) Vụ Tài chính;

c) Vụ Kết cấu hạ tầng và An toàn giao thông;

d) Vụ Quản lý, bảo trì đường bộ;

đ) Vụ Khoa học công nghệ, Môi trường và Hợp tác quốc tế;

e) Vụ Vận tải - Pháp chế;

g) Vụ Quản lý phương tiện và người lái;

h) Vụ Tổ chức cán bộ;

i) Văn phòng;

k) Thanh tra đường bộ;

l) Cục Quản lý xây dựng đường bộ.

2. Các đơn vị sự nghiệp:

- a) Khu Quản lý đường bộ II;
- b) Khu Quản lý đường bộ IV;
- c) Khu Quản lý đường bộ V;
- d) Khu Quản lý đường bộ VII;
- đ) Trường Trung học giao thông vận tải miền Bắc;
- e) Trường Trung học giao thông vận tải miền Nam;
- g) Trường Trung cấp nghề cơ giới đường bộ;
- h) Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải đường bộ;
- i) Tạp chí Đường bộ Việt Nam;
- k) Ban Quản lý dự án 2;
- l) Ban Quản lý dự án 4;
- m) Ban Quản lý dự án 5;
- n) Ban Quản lý dự án 6;
- o) Ban Quản lý dự án 7.

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo quy định của pháp luật. Các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Các Phó Tổng cục trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và pháp luật về nhiệm vụ được Tổng cục trưởng phân công.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức trực thuộc Tổng cục; trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý xây dựng đường bộ, Thanh tra đường bộ.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2009.

2. Bãi bỏ các quyết định sau đây của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: số 2567/2003/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam, số 1790/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2006 về việc sắp xếp lại một số tổ chức giúp việc Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, số 748/QĐ-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2007 về việc thành lập, tổ chức lại một số tổ chức giúp việc Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW,
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (10 b). **295**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng